

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị
trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Năm báo cáo: 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

+ Việc thành lập: Công ty Cổ phần Công trình Viettel được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 – Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty CP Công trình Viettel được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước một Thành viên Công trình Viettel (MSDN: 0100109106-071, do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 25/01/2006) theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

+ Niêm yết: Công ty CP Công trình Viettel chưa thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán;

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
6	Đúc sắt thép
7	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
11	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
13	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
14	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
15	Sửa chữa thiết bị điện
16	Xây dựng nhà các loại
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
18	Xây dựng công trình công ích
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
20	Phá dỡ
21	Chuẩn bị mặt bằng
22	Lắp đặt hệ thống điện
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
24	Hoàn thiện công trình xây dựng
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
26	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
27	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
32	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
33	Hoạt động viễn thông có dây
34	Hoạt động viễn thông không dây
35	Hoạt động viễn thông khác
36	kiểm tra và phân tích kỹ thuật
37	Kinh doanh bất động sản
38	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
39	Sửa chữa thiết bị liên lạc
40	Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
41	Khai thác và thu gom than cúng;
42	Khai thác và thu gom than non;
43	Khai thác quặng sắt;
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
45	Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
46	Khai thác cát đá sỏi, đất sét;
47	Khai thác khoáng hoá chất và phân bón;
48	Khai thác và thu gom than bùn;
49	Khai thác muối;
50	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
51	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
52	Sản xuất sắt, thép, gang;
53	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
54	Đúc kim loại màu;

55	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
56	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
57	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
58	Bốc xếp hàng hoá;
59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không);
60	Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;

+ Tình hình hoạt động: Từ khi đi vào hoạt động, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty CP Công trình Viettel đã quản trị và điều hành Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật nói chung và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty nói riêng.

3. Định hướng phát triển

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là trở thành công ty xây lắp và bảo dưỡng chuyên ngành viễn thông hàng đầu tại Việt Nam.

- Tập chung nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với nhiệm vụ kế hoạch và chiến lược phát triển trong tương lai.

- Từng bước mở rộng quy mô hoạt động, tăng doanh thu và lợi nhuận, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên cơ sở khai thác những thế mạnh hiện có của Công ty, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng và tay nghề. Có chế độ khuyến khích và phát triển đội ngũ quản lý và kỹ thuật có trình độ cao, có đạo đức và nhiệt huyết để hoàn thiện bộ máy hoạt động của Công ty.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

- Hiệu quả SXKD: lợi nhuận sáu tháng cuối năm 2010 đạt 48 tỷ đồng;
- Tình hình tài chính tại thời điểm cuối năm: Bảo toàn vốn.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu 6 tháng cuối năm	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	238.000	238.000	100%
Doanh thu	833.206	705.248	84.64%
Lợi nhuận trước thuế	41.463	64.814	156.31%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%/năm		

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: trong năm không có sự thay đổi.
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty sẽ tham gia xây lắp, bảo dưỡng các công trình viễn thông tại các nước mà Tập đoàn đầu tư như Haiti, Mozambique...

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt

a/ Khả năng sinh lời

- Tỉ suất lợi nhuận trước thuế (6 tháng cuối năm)/ vốn điều lệ đạt 27,23%
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế (6 tháng cuối năm)/ vốn điều lệ đạt 20,42 %

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 6 THÁNG CUỐI NĂM

STT	CHỈ TIÊU	Đ/V TÍNH	NĂM 2009	NĂM 2010
1	Cơ cấu tài sản	%		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		6.9	5.69
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		93.1	94.31
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		80.81	77.75
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		19.19	22.25
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	Khả năng thanh toán nhanh		0.44	0.51
	Khả năng thanh toán hiện hành		1.15	1.32
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6.22	3.47
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5.6	6.89
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu		32.39	15.60

b/ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 (6 tháng cuối năm):

- * Tổng cộng tài sản : 1.400.575.363.910 đồng
- Tài sản ngắn hạn : 1.320.924.706.915 đồng

- Tài sản dài hạn :	79.650.656.995 đồng
* Tổng cộng nguồn vốn :	1.400.575.363.910 đồng
- Nợ phải trả :	1.088.957.332.947 đồng
- Vốn chủ sở hữu :	311.618.030.963 đồng
Trong đó:	
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	238.000.000.000 đồng
+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.007.262.144 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.610.768.819 đồng

c/ Tổng số cổ phiếu theo từng loại : (mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng/CP)

- Vốn điều lệ 238.000.000.000 VNĐ.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại :

- + Cổ phiếu phổ thông (do Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ) : 17.150.000 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông (do tổ chức nắm giữ): 250.000 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông (do cá nhân nắm giữ): 6.400.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 23.800.000 cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong tình hình kinh tế đất nước còn ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới toàn cầu, Công ty Cổ phần Công trình Viettel đã phải đương đầu với rất nhiều khó khăn:

- Thị trường giá cả vật tư vẫn có biến động lớn, đặc biệt là giá xăng dầu;
- Công tác tham mưu, đôn đốc điều hành và truyền thông về quy trình thi công, nghiệm thu, Hoàn công quyết toán, chất lượng và tiến độ chưa thường xuyên, hiệu quả;
- Chất lượng thi công còn chưa cao, còn có lỗi lắp đặt ảnh hưởng tới chất lượng mạng lưới;

Bên cạnh những khó khăn trên công ty cũng có một số thuận lợi:

- Chủ trương ngầm mạng hóa cáp treo của nhà nước để tăng cường mĩ quan đô thị nhất là ở các thành phố lớn làm cho thị trường xây lắp mạng cáp gia tăng;
- Trong năm Công ty tham dự thực hiện các gói thầu lớn trong nội bộ Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel, như: Xây lắp trạm BTS điển hình năm 2010 thuộc Dự án 64 – Dự án mở rộng mạng vô tuyến, mạng thông tin di động Viettel tại các tỉnh giai đoạn 2008 – 2010;
- Các trạm BTS đã lắp đặt nhiều (Hơn 25000 trạm 2G và hơn 16000 trạm 3G, trong đó số trạm lắp đặt trước năm 2010 là 20.000 trạm 2G và 5.000 trạm 3G) nên số trạm có nhu cầu bảo dưỡng lớn...

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Doanh thu cả năm đạt 102% so với kế hoạch được phê duyệt;
- Thi công xây lắp hạ tầng BTS 2G và 3G cơ bản đều đạt tiến độ đề ra;
- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2010 – 2015.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nâng cao chất lượng thi công xây lắp;
- Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp đủ sức tham gia thi công tại các nước Tập đoàn đầu tư.

IV. Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và đã gửi cùng báo cáo kiểm toán năm 2010 cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán & được đính kèm tại các trang cuối của báo cáo này.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán AASC;
- Các ý kiến nhận xét, đã gửi kèm trong Báo cáo tài chính năm 2010 tới Uỷ ban chứng khoán NN, ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan;
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : Không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ thống nhất với số liệu báo cáo của công ty đã được kiểm toán.

VI. Các công ty có liên quan :

- Tập đoàn Viễn thông Quân đội là đơn vị góp vốn vào Công ty với cơ cấu vốn góp chiếm 72,06% vốn điều lệ, tương ứng 171.500.000.000 VNĐ;
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội được thành lập theo quyết định số: 2097/2009/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ ký vào ngày 14/12/2009, là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ 50.000 tỷ đồng, có tư cách pháp nhân, có con dấu và điều lệ riêng. Hoạt động kinh doanh : Cung cấp dịch vụ viễn thông, Truyền dẫn, Bưu chính, Phân phối thiết bị đầu cuối, Đầu tư tài chính, Truyền thông, Đầu tư bất động sản, Xuất nhập khẩu, Đầu tư nước ngoài.
- Tổng Giám đốc : Thiếu tướng Hoàng Anh Xuân.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bao gồm:
- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;

- + Ban kiểm soát;
- + Giám đốc điều hành.
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều:
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ	Trình độ	
					Chuyên môn	Chính trị
1	Tô Văn Hùng	1956	Lô26D-Đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài - phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Hà Nội	Giám đốc	Đại học	Cao cấp
2	Trần Đình Hà	1963	Phòng 502 – G1 – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
3	Nguyễn Văn Thức	1959	Tổ 37 – Phường Láng Hạ - Đống đa – Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
4	Vũ Phương Tây	1978	Tập thể Bộ Xây dựng – Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp
5	Đặng Hồng Thái	1966	Số 18 - ngõ 103 Cù Chính Lan - Khuong Mai - Thanh Xuân - Hà Nội.	Phó giám đốc	Đại học	Cao cấp

+ Tổng số người lao động: 855 người lao động

+ Công ty thực hiện công tác chi trả lương cho CBCNV theo đúng quy định, lương hưởng trên cơ sở chức danh đảm nhiệm và mức độ hoàn thành công việc hàng tháng. Quyết toán quỹ lương theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD, tỷ lệ năng suất lao động thực hiện so với kế hoạch của từng đơn vị.

VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Tổng số thành viên của HĐQT: 05 người, trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành;
- Tổng số thành viên của Ban kiểm soát: 03 người
 - Hoạt động của HĐQT: các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị
 - Hoạt động của Ban kiểm soát: các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao/ tháng	Tổng thù lao
	Hội đồng quản trị		11.000.000	66.000.000
1	Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	18.000.000
2.	Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000
3	Tô Văn Hùng	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000
4	Trần Đình Hà	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000
5	Nguyễn Văn Thức	Thành viên HĐQT	2.000.000	12.000.000
	Ban Kiểm soát		4.000.000	24.000.000
1	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng ban BKS	2.000.000	12.000.000
2	Đặng Kim Hoa	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000
3	Nguyễn Hữu Hải	Thành viên BKS	1.000.000	6.000.000
	Tổng cộng		15.000.000	90.000.000

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

a/ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Tổng số cổ đông có đến 31/12/2010 là : 1.748 cổ đông, trong đó :

- + Cổ đông thuộc doanh nghiệp Nhà nước: 01 cổ đông
- + Cổ đông thuộc pháp nhân khác: 02 cổ đông
- + Cổ đông là tổ chức Công đoàn : 01 cổ đông
- + Cổ đông là cá nhân : 1.744 cổ đông.

b/ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội là cổ đông lớn của Công ty

- Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội;
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ Viễn thông; Truyền dẫn; Bưu chính; Phân phối thiết bị đầu cuối; Đầu tư tài chính; Truyền thông; Đầu tư Bất động sản; Xuất nhập khẩu; Đầu tư nước ngoài.
- Số cổ phần năm giữ 17.150.000 cổ phần tương ứng với 171.500.000.000 đồng, chiếm 72,06% vốn điều lệ.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Công ty không có cổ đông góp vốn nước ngoài.

* Kèm bản chụp báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định tại các trang tiếp theo. *Hưng*

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH VIETTEL *Myan*



GIÁM ĐỐC
Thượng tá. *Tô Văn Hùng*